

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22/8/2024

“Tranh chấp về hôn nhân gia
đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lợi.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Thế Vinh
- Ông Nguyễn Văn Dũng
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.
- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2024/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp về hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Khánh H, sinh năm 1999
Trú tại: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đ. (có mặt)
- **Bị đơn:** Ông Hoàng Công Đ, sinh năm 1999
Trú tại: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đ. (Vắng mặt không lý do)
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**
- Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1972
Trú tại: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đ (có mặt)
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
- Bà Phạm Thị D1, sinh năm 1974
Trú tại: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đ (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Khánh H trình bày:

Tôi và ông Hoàng Công Đ có thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện kết hôn năm 2023 có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 11/10/2023. Sau khi kết hôn chúng tôi về chung sống tại thôn A, xã E, huyện C, chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, vợ

chồng không có tiếng nói chung. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Hoàng Công Đ.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Hoàng V, sinh ngày 03/12/2023. Hiện nay cháu đang ở với tôi, nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi yêu cầu ông Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung và nợ chung:

Quá trình chung sống chung tôi tạo lập được một số tài sản chung là:

- 01 Căn nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, nền lót gạch men tọa lạc trên thửa đất số 10202, tờ bản đồ số 40 tại xã E, huyện C trị giá khoảng 500.000.000 đồng (đất của riêng ông Đ không tính).

- Khoản tiền cưới bố tôi là ông Nguyễn Đình D cho hai vợ chồng để làm ăn là 260.000.000 đồng.

- Tiền thu hoạch cà phê là 60.000.000 đồng.

- Số tiền bán vàng cưới là 107.000.000 đồng.

- 01 xe máy Vision biển kiểm soát 47T1- 151.24

- 02 chiếc xe đạp điện

- Một số trang sức bằng vàng gồm 1 chiếc lắc tay, 01 đôi bông tai, 03 chiếc nhẫn, 01 dây chuyền. Tổng số vàng trang sức trên là khoảng 03 chỉ vàng trị giá 21.000.000 đồng. Hiện nay bà Phạm Thị D1 đang giữ.

Về nợ chung tôi và ông Đ có vay của ông Nguyễn Đình D khoản tiền 100.000.000 đồng để xây nhà.

Nay ly hôn đề nghị Tòa án phân chia các tài sản chung và nợ chung theo quy định của pháp luật. Đối với chiếc xe máy Vison biển kiểm soát 47T1-151.24 và 02 chiếc xe đạp điện thì tôi xin rút phần yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Hoàng Công Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân như bà H trình bày là đúng. Tôi và bà H có thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện kết hôn vào năm 2023. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào ngày 11/10/2023. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhưng nay bà H khởi kiện yêu xin ly hôn thì tôi không đồng ý vì tôi vẫn còn tình cảm, yêu thương bà H và mong muốn gia đình đoàn tụ cùng nhau nuôi dưỡng con chung.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu Hoàng V, sinh ngày 03/12/2023. Hiện nay cháu đang ở với bà H, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất với ý kiến của bà H về các tài sản chung là:

- 01 Căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 10202, tờ bản đồ số 40 tại xã E, huyện C trị giá khoảng 500.000.000 đồng.

- Khoản tiền cưới ông Nguyễn Đình D cho hai vợ chồng để làm ăn là 260.000.000 đồng.

- Tiền thu hoạch cà phê là 60.000.000 đồng.

- Số tiền bán vàng cưới là 107.000.000 đồng.

- Một số trang sức bằng vàng gồm 1 chiếc lắc tay, 01 đôi bông tai, 03 chiếc nhẫn, 01 dây chuyền tổng số trang sức trên là khoảng 03 chỉ vàng trị giá 21.000.000 đồng.

Về nợ chung thì vợ chồng tôi có vay của ông Nguyễn Đình D khoản tiền 100.000.000 đồng để xây nhà thì có trách nhiệm trả nợ chung.

Đối với chiếc xe máy Vision biển kiểm soát 47T1- 151.24 và 02 chiếc xe đạp bà H đã rút yêu cầu khởi kiện nên tôi đồng ý không có ý kiến gì khác. Đối với các khoản tiền cưới 260.000.000 đồng, tiền thu hoạch cà phê 60.000.000 đồng và số tiền bán vàng cưới là 107.000.000 đồng thì quá trình chung sống hai vợ chồng đã sử dụng các khoản tiền nêu trên vào mục đích chi phí sinh hoạt gia đình chung nên không còn nữa nên không chia.

Đối với căn nhà cấp 4, các trang sức bằng vàng gồm 1 chiếc lắc tay, 01 đôi bông tai, 03 chiếc nhẫn, 01 dây chuyền tổng số trang sức trên là khoảng 03 chỉ vàng và khoản nợ chung 100.000.000 đồng thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị D1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Khánh H và ông Hoàng Công Đ thì tôi không có ý kiến gì. Về phần bà H có trình bày tôi đang giữ một số trang sức bằng vàng gồm 1 chiếc lắc tay, 01 đôi bông tai, 03 chiếc nhẫn, 01 dây chuyền tổng số trang sức trên là khoảng 03 chỉ vàng thì tôi thừa nhận bà H có đưa tôi giữ hộ nhưng tôi đã trả lại cho bà H. Nay bà H đề nghị tôi trả cho bà H số trang sức trên là vô lý nên tôi không đồng ý.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Khánh H và ông Hoàng Công Đ thì tôi không có ý kiến gì. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng ông Đ, bà H có nợ tôi khoản tiền 100.000.000 đồng. Nay Toà án giải quyết ly hôn và chia tài sản chung giữa ông Đ, bà H thì tôi đề nghị ông Đ, bà H có trách nhiệm trả cho tôi số tiền 100.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện thủ tục tố tụng đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khánh H

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Khánh H được ly hôn với ông Hoàng Công Đ.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng V, sinh ngày 03/12/2023 cho bà Nguyễn Thị Khánh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Ông Hoàng Công Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.600.000 đồng đến khi cháu Hoàng V đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung:

- Giao cho ông H1 Công Đức quản lý sử dụng căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 10202, tờ bản đồ số 40 tại xã E, huyện C, tỉnh Đ. Ông Đ có trách nhiệm thanh toán một nửa giá trị căn nhà trên cho bà Nguyễn Thị Khánh H là 250.000.000 đồng.

- Đối với chiếc xe máy Vision biển kiểm soát 47T1- 151.24 và 02 chiếc xe đạp bà H đã rút yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ xét xử yêu cầu này.

- Đối với khoản tiền cưới được ông Nguyễn Đình D cho là 260.000.000 đồng, khoản tiền thu hoạch cà phê 60.000.000 đồng, tiền bán vàng 107.000.000 đồng, các khoản tiền này hai bên đã chi tiêu hết trong quá trình chung sống với nhau, nguyên đơn và bị đơn không chứng minh được số tiền này dùng mục đích riêng của mỗi người, nên không có căn cứ để chia.

- Đối với một số trang sức bằng vàng gồm 01 chiếc lắc tay, 01 đôi bông tai, 03 chiếc nhẫn, 01 dây chuyền; Tổng số trang sức trên là khoảng 03 chỉ. Bà H cho rằng đã nhờ mẹ chồng là bà Phạm Thị D1 giữ hộ, bà D1 chưa đưa lại. Tuy nhiên bà D1 cho rằng đã trả lại cho bà H nhưng không chứng minh được nên buộc bà D1 phải có trách nhiệm trả cho bà H 1,5 chỉ vàng trị giá 10.500.000 đồng.

Về nợ chung: Buộc bà H và ông Đ có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Đình D 100.000.000 đồng (mỗi người trả 50.000.000 đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Khánh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và chia tài sản chung, nợ chung với bị đơn là ông Hoàng Công Đ, trú tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đ là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đ. Đ. theo quy định tại Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Khánh H và ông Hoàng Công Đ là người thân quen, có thời gian tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 11/10/2023 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đ, hạnh phúc được thời gian ngắn. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Do đó bà H làm đơn xin ly hôn với ông Đ. Phía ông Đ cho rằng quá trình chung sống có xảy ra cãi vã nhưng ông vẫn còn tình cảm, yêu thương bà H và con nên không muốn ly hôn

mong muốn đoàn tụ. Toà án đã tiến hành tổ chức hoà giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả, phía bà Nguyễn Thị Khánh H cương quyết xin ly hôn.

Toà án đã đến địa phương xác minh tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Khánh H và ông Hoàng Công Đ được biết: Bà H, ông Đ sinh sống tại địa phương không hoà thuận, có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến bà H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, do bà H, ông Đ không yêu cầu ban tự quan thôn hoà giải nên không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng của bà Nguyễn Thị Khánh H và ông Hoàng Công Đ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Khánh H, cho bà Nguyễn Thị Khánh H được ly hôn với ông Hoàng Công Đ.

[3] Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là cháu Hoàng V, sinh ngày 03/12/2023. Hiện nay cháu đang ở với bà H. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu trưởng thành và yêu cầu ông Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Phía ông Đ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Hoàng V, sinh ngày 03/12/2023 tính đến thời điểm xét xử vụ án cháu V mới 08 tháng 13 ngày tuổi, là dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà H giao cháu Hoàng V cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Bà H yêu cầu ông Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng nhưng ông Hoàng Công Đ không có ý kiến đồng ý, nên theo quy định của pháp luật mức cấp dưỡng nuôi con tối thiểu là 2/3 mức lương cơ sở. Do đó cần buộc ông Hoàng Công Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng V 1.560.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung:

Quá trình chung sống, các đương sự thống nhất đã tạo lập được khối tài sản chung là:

- 01 Căn nhà cấp 4 trên tọa lạc trên thửa đất số 10202, tờ bản đồ số 40 tại xã E, huyện C trị giá 500.000.000 đồng (theo thỏa thuận) cần chia đôi theo quy định của pháp luật, bà H được hưởng 250.000.000 đồng, ông Đ được hưởng 250.000.000 đồng, do căn nhà xây dựng trên đất của riêng ông Đ nên cần giao cho ông Đ được quản lý, sử dụng, sở hữu, buộc ông Đ có trách nhiệm thanh toán giá trị cho bà H số tiền 250.000.000 đồng là phù hợp.

- Đối với số trang sức bằng vàng gồm 01 chiếc lắc tay, 01 đôi bông tai, 03 chiếc nhẫn, 01 dây chuyền. Tổng số trang sức trên là khoảng 03 chỉ vàng trị giá 21.000.000 đồng, bà H cho rằng bà D1 đang giữ hộ chưa đưa lại cho bà H, còn phía bà D1 cho rằng đã trả cho bà H rồi nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên buộc bà D1 phải có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền 10.500.000 đồng (tương đương 1,5 chỉ vàng). Đối với 1,5 chỉ vàng còn lại do ông Đ cho rằng đã trả nên HĐXX ghi nhận không buộc bà D1 phải trả cho ông Đ.

- Đối với các khoản tiền cưới ông Nguyễn Đình D cho hai vợ chồng để làm ăn là 260.000.000 đồng, tiền thu hoạch cà phê là 60.000.000 đồng, số tiền bán vàng cưới là 107.000.000 đồng (427.000.000 đồng) bà H và ông Đ đã sử dụng hết nên không còn tài sản để chia.

- Đối với chiếc xe máy Vision biển kiểm soát 47T1- 151.24 và 02 chiếc xe đạp điện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Khánh H đã rút yêu cầu nên cần chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[5] Về nợ chung: Bà H và ông Đ thừa nhận khoản nợ ông Nguyễn Đình D số tiền 100.000.000 đồng nên buộc bà H và ông Đ có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Đình D số tiền nêu trên, chia theo phần mỗi người trả 50.000.000 đồng.

- Đối với khoản tiền 700.000.000 đồng vay Ngân hàng H2 và khoản tiền nợ tiền xây nhà 97.436.155 đồng quá trình tham gia tố tụng ông Đ, bà H không kê khai, không yêu cầu chia cũng không có đơn phản tố. Sau khi hòa giải xong đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử mới có đơn yêu cầu là không đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

Đối với tư trang cá nhân, các vật dụng sinh hoạt trong gia đình và các khoản khác, phía bà H yêu cầu để ông Đ và bà H thỏa thuận giải quyết, nếu không được sẽ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung được chấp nhận nên bà H và ông Hoàng Công Đ đều phải chịu chung số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Khánh H đã nộp xong tại Tòa án nên được nhận lại số tiền 1.500.000 đồng sau khi thu được của ông Đ.

[6] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 38, 51, 53, 59, 81, 83, 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khánh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Khánh H được ly hôn với ông Hoàng Công Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng V, sinh ngày 03/12/2023 cho bà Nguyễn Thị Khánh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hoàng Công Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng V mỗi tháng là 1.560.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Hoàng Công Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Giao cho ông H1 Công Đức được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu căn nhà ở cấp 4, có diện tích bao chiếm 100 m² tọa lạc trên thửa đất số 10202, tờ bản đồ số 40 tại xã E, huyện C trị giá tài sản là 500.000.000 đồng.

- Buộc ông Hoàng Công Đ có nghĩa vụ bù trừ chênh lệch giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị Khánh H số tiền 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn*)

- Đình chỉ xét xử phần yêu cầu chia tài sản đối với chiếc xe máy Honda Vision biển kiểm soát 47T1- 151.24 và 02 chiếc xe đạp điện

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu kiện độc lập của ông Nguyễn Đình Dương

Buộc ông Hoàng Công Đ và bà Nguyễn Thị Khánh H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Đình D số tiền 100.000.000 đồng. Chia theo phần mỗi người phải trả 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*)

Buộc bà Phạm Thị D2 phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Khánh H 1,5 chỉ vàng trị giá 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm năm đồng chẵn*).

5. Về chi phí tố tụng khác: Ông Hoàng Công Đ phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.500.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Khánh H được nhận lại số tiền 1.500.000 đồng sau khi thu được của ông Hoàng Công Đ.

6. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Khánh H phải chịu 10.525.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí DSST, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0006575 ngày 22 tháng 4 năm 2024 và số tiền 8.587.000 đồng tại biên lai thu số AA/2023/0006574 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, còn phải nộp thêm số tiền 1.638.000 đồng.

Ông Hoàng Công Đ phải chịu 10.525.000 đồng án phí DSST và 300.000 đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị D2 phải chịu 1.050.000 đồng án phí DSST.

Ông Nguyễn Đình D được nhận lại số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2023/0006673 ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- THA huyện Cư Kuin
- Các đương sự;
- UBND xã Ea Ktur
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ LỢI